

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2020/DSST

Ngày: 04-9-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T , TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Minh Tấn.

2. Bà Trần Thị Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân T , tỉnh Long An.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân T , tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐST-DS ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Ngọc H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn Tân T , huyện Tân T , tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Ngọc H : ông Phan Văn C , sinh năm: 1958; Địa chỉ: Ấp Gò N, xã Nhơn H, huyện Tân T , tỉnh Long An (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị B, sinh năm: 1967 (có mặt).

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Trương C Ý, xã Tân L , huyện Tân T , tỉnh Long An;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/6/2018, vợ chồng bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn C có vay của bà H số tiền là 250.000.000đ. Bà B và ông C có lập biên nhận và hẹn trả sau 15 ngày. Lãi suất do hai bên thỏa thuận nhưng đến ngày hẹn thì bà B và ông C không trả tiền cho bà H. Đến ngày 12/9/2019 bà B và ông C có trả một phần tiền lãi là 50.000.000đ. Từ đó đến nay ông C và bà B không trả tiền gốc và lãi cho bà H.

Phần tiền lãi từ ngày 24/6/2018 đến ngày 24/6/2019 bà H tính lãi suất là $250.000.000đ \times 1.66\% \times 12 \text{ tháng} = 49.800.000đ$. Bà B và ông C đã trả 50.000.000đ vào ngày 12/9/2019. Từ ngày 24/6/2019 đến nay bà B và ông C chưa trả lãi. Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị B và ông Nguyễn Văn C liên đới trả cho bà H số tiền 250.000.000đ và lãi suất 1.66 % từ ngày 24/6/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên hòa giải, phía nguyên đơn yêu cầu bà B và ông C liên đới trả số tiền gốc là 250.000.000đ và số tiền lãi theo mức lãi suất 1%/ tháng, tiền lãi tính từ ngày 12/9/2019 cho đến khi ông C, bà B trả xong khoản nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C trình bày tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án như sau: Vào khoảng năm 2018, bà B và ông C có vay của bà Đỗ Ngọc H số tiền là 1.500.000.000đ để trả nợ ngân hàng, đến khi đáo hạn bị kéo dài nên lãi suất ra quá cao. Khi bà B và ông C vay được tiền ngân hàng đã trả hết tiền gốc và lãi cho bà H là 2.000.000.000đ nhưng vẫn còn thiếu lại số tiền là 250.000.000đ. Bà B và ông C thừa nhận có lập biên nhận nợ bà H số tiền 250.000.000đ. Sau đó, bà B và ông C có trả cho bà H số tiền gốc 50.000.000đ. Hiện nay, bà B và ông C đồng ý trả cho bà H số tiền còn lại và 200.000.000đ, về tiền lãi bà B và ông C xin được giảm tiền lãi; về thời gian trả, bà B và ông C xin trả dần tiền gốc và lãi cho bà H do không có khả năng trả một lần.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, hiện nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 250.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 10/7/2018 đến khi trả xong theo mức lãi suất pháp luật quy định là 0,83%/tháng và đồng ý trừ lại số tiền 50.000.000đ mà bà B và ông C đã trả theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đồng ý số nợ gốc theo biên nhận đã lập ngày 24/6/2018 là 250.000.00đ, do hai bên không có thỏa thuận lãi nên số tiền bà B và ông C trả ngày 12/9/2019 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền*: Bà Đỗ Ngọc H khởi kiện bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn C yêu cầu bà B, ông C phải trả lại số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Do đó xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T .

[2] *Về nội dung*:

Giữa các đương sự thống nhất với nhau về số tiền bà B và ông C nợ bà H là 250.000.000đ. Hai bên thống nhất không có tranh chấp với nhau về số tiền này nên không đề cập.

Giữa các đương sự không thống nhất được với nhau về số tiền bà B và ông C trả ngày 12/9/2019 là trả nợ gốc hay lãi. Đồng thời hai bên cũng trình bày không thống nhất với nhau về việc có thỏa thuận trả lãi và mức lãi suất hay không khi lập biên nhận nợ số tiền 250.000.000đ ngày 24/6/2018. Bà H xác định số tiền 50.000.000đ bà B và ông C trả ngày 12/9/2019 là khoản tiền trả bớt tiền lãi cho khoản lãi từ ngày 24/6/2018 đến ngày 24/6/2019. Về việc thỏa thuận lãi, bà H xác định hai bên có thỏa thuận riêng lãi suất chậm trả là 3%/tháng. Ông C và bà B xác định khi lập biên nhận nợ ngày 14/6/2018 hai bên không có thỏa thuận trả lãi, về số tiền 50.000.000đ trả ngày 12/9/2019 là trả nợ gốc. Về thời gian trả, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hai bên đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau. Tòa án đã hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án cũng đã thông báo cho hai bên đương sự cung cấp chứng cứ để chứng minh về số tiền 50.000.000đ ông C, bà B trả cho bà H vào ngày 12/9/2019 là trả tiền gốc hay tiền lãi nhưng cho đến phiên tòa hôm nay hai bên đương sự cũng không cung cấp thêm chứng cứ nào. Tại phiên tòa, phía nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu tính lãi, hiện nay đồng ý tính lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định, về số tiền đã trả là 50.000.000đ và đồng ý tính theo quy định của pháp luật. Phía bị đơn cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định pháp luật để giải quyết trên cơ sở tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

Xét biên nhận tiền lập ngày 24/6/2018, do bà H cung cấp trong đó có chữ ký của bà B và ông C. Bà B và ông C xác nhận đúng chữ ký của mình. Biên nhận tiền

thể hiện bà B và ông C vay của bà H số tiền 250.000.000đ, hạn 15 ngày sau trả lại. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn, cho đến nay bà B và ông C vẫn chưa trả hết tiền cho bà H nên bà B, ông C đã vi phạm thời hạn trả.

Về lãi suất, tại biên nhận lập ngày 24/6/2018 không thể hiện có ghi mức lãi suất chậm trả. Hiện nay hai bên có tranh chấp về lãi suất nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự, áp dụng mức lãi suất pháp luật quy định là 10%/năm (0,833%tháng) để tính lãi chậm trả. Do hợp đồng vay có kỳ hạn, biên nhận không ghi rõ lãi suất, các đương sự có tranh chấp về lãi nên không có cơ sở tính lãi suất trong kỳ hạn, chỉ có cơ sở tính lãi chậm trả sau khi đến hạn mà bên bị đơn không trả nợ. Cụ thể thời gian tính lãi là sau 15 ngày, kể từ ngày 24/6/2018, đó là ngày 10/7/2018 như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa.

Về số tiền đã trả 50.000.000đ vào ngày 12/9/2019, phía dưới biên nhận tiền có ghi “ngày 12/9/2019 có gửi bớt 50.000.000đ”. Như vậy, không có cơ sở xác định là trả nợ gốc hay nợ lãi như nguyên đơn lần bị đơn trình bày. Căn cứ vào nội dung trên thì có cơ sở xác định số tiền đã trả 50.000.000đ là trừ bớt cả gốc và lãi. Do đó, cần tính nhập gốc và lãi tại thời điểm 12/9/2019 theo mức lãi suất pháp luật quy định, sau đó trừ vào số tiền 50.000.000đ tại thời điểm trả. Số tiền còn lại tiếp tục tính lãi theo quy định pháp luật tính đến thời điểm giải quyết. Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 10/7/2018 đến ngày 12/9/2019 là 14 tháng 02 ngày x 250.000.000đ x 0,833%tháng, tiền lãi là 29.279.950đ (*Hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

Tổng cộng gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2019 là 279.279.950đ (*Hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

Ngày 12/9/2019 bà B và ông C trả bớt được số tiền là 50.000.000đ nên số tiền còn lại bà B, ông C còn nợ bà H là 229.279.950đ (*Hai trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng*).

Từ ngày 13/9/2019 đến ngày xét xử (04/9/2020) là 11 tháng 22 ngày. Tiền lãi là: 229.279.950đ x 11 tháng 22 ngày x 0,833%tháng = là 22.460.447đ.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi mà bà B và ông C có nghĩa vụ trả tiếp cho bà H là **251.740.397đ** (*Hai trăm năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

Về thời gian trả, giữa các đương sự không thỏa thuận được nên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có quyền liên hệ Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí; Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Ngọc H.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đỗ Ngọc H số tiền là **251.740.397đ** (*Hai trăm năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí là 12.587.019đ (*Mười hai triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn không trăm mười chín đồng*).

3.2 Bà Đỗ Ngọc H không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.611.000đ (*Tám triệu sáu trăm mười một nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000984, ngày 29/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T .

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T ;
- Chi cục THADS huyện Tân T ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh